TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 205/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 101 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1270/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Hoàng Mai N, sinh năm 1989;

Căn cước công dân: ********** do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 10/7/2021.

Địa chỉ thường trú: 429 H, khu phố A, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: 67/47b T, Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Ngọc N1, sinh năm 1989;

Căn cước công dân: ********** do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 18/02/2021.

Địa chỉ thường trú: E N, Phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Hoàng Mai N và ông Trần Ngọc N1 tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 173/2014 do U, quận G (nay là UBND phường A), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/9/2014. C sống có 02 con chung là Trần Ngọc Như T, sinh ngày 10/01/2015 và Trần Hoàng Như N2, sinh ngày 15/7/2017.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ngày 21 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Mai N và ông Trần Ngọc N1 cùng thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 173/2014 do U, quận G (nay là UBND phường A), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/9/2014 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Hai bên thoả thuận giao 02 con chung là Trần Ngọc Như T, sinh ngày 10/01/2015 và Trần Hoàng Như N2, sinh ngày 15/7/2017 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N1 mỗi tháng cấp dưỡng 2.500.000 đồng mỗi cháu cho đến khi con chung 18 tuổi.

Trường hợp, ông Trần Ngọc N1 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Trần Ngọc N1 còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện tương ứng với thời gian chậm thực hiện. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông N1 không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông N1 còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận ly hôn là 300.000 đồng, bà N và ông N1 phải nộp toàn bộ lệ phí nên được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà N và ông N1 đã nộp theo biên lai thu số 0046052 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND KV7 - TP . HCM;
- THADS TP . HCM;
- UBND phường A, TPHCM
(để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 173/2014, ngày 03/9/2014);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Thảo